

Phụ lục II
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2025
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ 01 buồng sơn nhanh.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ 01 buồng sơn sấy.

2. Dòng bụi, khí thải, vị trí xả

2.1. Dòng khí thải

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng nguồn số 01): Dòng khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải sơn nhanh.
- Dòng khí thải số 02 (tương ứng với nguồn số 02): Dòng khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải sơn sấy.

2.2. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Tọa độ vị trí xả thải $X(m) = 2261571$; $Y(m) = 566460$.
 - Dòng khí thải số 02: Tọa độ vị trí xả thải $X(m) = 2261567$; $Y(m) = 566452$.
- (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Tổng lưu lượng $28.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $14.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $14.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.4. Phương thức xả khí thải

Xả gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ (khi hệ thống xử lý hoạt động).

2.5. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp được tính theo công thức $C_{\max} = C \times K_p \times K_v$ (Áp dụng hệ số $K_p = 1$; $K_v = 0,8$); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B); QCVN 20:2009/BTNMT (*) $C_{\max}$	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Lưu lượng	m^3/h	-	06 tháng/lần	Dự án

2	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	(02 lần/năm) theo đề xuất và cam kết của Chủ dự án	không thuộc đối tượng phải lắp đặt
3	Toluen	mg/Nm ³	750 (*)		
4	Benzen	mg/Nm ³	5 (*)		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi khí thải phát sinh được thu gom vào hệ thống xử lý bụi khí thải sơn nhanh sau đó theo ống thoát khí thải ra ngoài môi trường cao 05 m (so với mặt đất).

- Nguồn số 02: Bụi khí thải phát sinh được thu gom vào hệ thống xử lý bụi khí thải sơn sấy sau đó theo ống thoát khí cao 05 m (so với mặt đất).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Chủ dự án đầu tư 02 hệ thống xử lý bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Đối với dòng khí thải số 01 (tương ứng từ nguồn số 01): Khí thải, bụi sơn từ phòng sơn nhanh → Bộ hút và lọc bụi (phin lọc bông thủy tinh và hệ thống phin lọc sàn) → Tấm lọc than hoạt tính → Khí thải xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) và QCVN 20:2009/BTNMT thải ra ngoài môi trường qua ống thoát khí cao 05 m so với mặt đất.

- Đối với dòng khí thải số 02 (tương ứng từ nguồn số 02): Khí thải, bụi sơn từ phòng sơn sấy → Bộ hút và lọc bụi (phin lọc bông thủy tinh và hệ thống phin lọc sàn) → Tấm lọc than hoạt tính → Khí thải xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) và QCVN 20:2009/BTNMT thải ra ngoài môi trường qua ống thoát khí cao 05 m so với mặt đất.

- Hóa chất, vật liệu xử lý khí thải: Than hoạt tính khoảng 200 kg/năm; phin lọc bông thủy tinh khoảng 450 kg/năm.

- Sàn thao tác lấy mẫu, vị trí lỗ kỹ thuật lấy mẫu theo quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách vận hành các hệ thống xử lý khí thải phát sinh tại dự án. Cán bộ vận hành phải thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị thu gom, xử lý khí thải và ghi chép nhật ký vận hành.

- Định kỳ 03 tháng/lần duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý, các thiết bị điện (quạt) và hàng tuần kiểm tra các mối hàn, các điểm tiếp nối để tránh rò rỉ bụi.

- Trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố, Chủ dự án dừng ngay hoạt động của các dây chuyền sản xuất phát sinh bụi, khí thải tại khu vực gặp sự cố; tiến hành khắc phục sự cố và hệ thống xử lý khí thải xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường mới cho hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng kể từ Quý I/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm

- 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải sơn nhanh.

- 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải sơn sấy.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- 01 mẫu tại lỗ kỹ thuật trên thân ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải sơn nhanh.

- 01 mẫu tại lỗ kỹ thuật trên thân ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải sơn sấy.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.5 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu khí thải: Ít nhất 01 ngày/lần tại 02 lỗ kỹ thuật trên thân 02 ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải sơn nhanh và sơn sấy trong 3 ngày liên tiếp (quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Chủ dự án phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nam Định trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm tại mục 2.5 phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường. Không được phép xả khí thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nam Định để kịp thời xử lý./.